| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 22-10-2018
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Vũ.
*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Dũ.
Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Trung An-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Sạch-Kiểm sát viên.

Trong ngày 19-10-2018 và ngày 22-10-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2018/TLPT-HNGĐ ngày 10-9-2018, về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 07-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 158/2018/QĐ-PT ngày 20-9-2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị S; Sinh năm: 1989; Địa chỉ cư trú: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành L; Sinh năm: 1988; Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã H2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thành L là bị đơn trong vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 02-5-2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Thạch Thị S trình bày như sau: Năm 2014, bà Thạch Thị S và ông Nguyễn Thành L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 51, Quyển số 01/2014 ngày 08-5-2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà S, ông L chung sống hạnh phúc được bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông L không quan tâm đến vợ con, đến ngày 29-4-2018 do bà S bị cha ông L đuổi nên về nhà cha mẹ ruột ở và vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Vợ chồng bà S, ông L có một người con chung là Nguyễn Thị

Thùy D, sinh ngày 17-01-2015, hiện nay cháu Thùy D sống chung với ông L và do mẹ ruột ông L chăm sóc. Khi về nhà cha mẹ ruột ở, bà S có ẵm cháu Thùy D theo nhưng cha ông L không cho nên bà S không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thùy D. Hiện nay, bà S làm công nhân tại Công ty cổ phần thực phẩm ST có thu nhập là 200.000 đồng/ngày. Bà S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L. Về con chung, bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Thùy D đến khi thành niên và bà S không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung, bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thành L trình bày: Ông L thống nhất với phần trình bày của bà S về thời gian kết hôn, thủ tục kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là việc bà S quản lý tiền bạc trong gia đình không rõ ràng, việc vợ chồng sống ly thân là do bà S bỏ về nhà cha mẹ ruột sống nhưng ông L không rõ lý do. Hiện nay, ông L đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương có thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng, ông L gửi tiền về cho mẹ ruột chăm sóc cháu Nguyễn Thị Thùy D và ông L cũng thường về thăm con. Ông L thống nhất ly hôn với bà S. Về con chung, ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy D đến khi thành niên và không yêu cầu bà S cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung, ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Vụ án được Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 07-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị S được quyền ly hôn với ông Nguyễn Thành L.

2. Về con chung: Giao cho bà Thạch Thị S được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 17-01-2015 đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Thành L có quyền thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thạch Thị S không yêu cầu ông Nguyễn Thành L cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

5. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 20-8-2018, bị đơn Nguyễn Thành L nộp đơn kháng cáo Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 07-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Theo đơn kháng cáo, ông Nguyễn Thành L yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 17-01-2015 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Lý do của việc kháng cáo: Bà S không quan tâm chăm sóc con chung mà giao cho ông L chăm sóc từ lúc sinh ra, bà S không đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông L có có đầy đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung hơn bà S.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên yêu cầu theo đơn kháng cáo và các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thành L là không căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo: Xét Đơn kháng cáo ngày 18-8-2018 của bị đơn Nguyễn Thành L nộp trực tiếp cho Tòa án nhân dân huyện M vào ngày 20-8-2018 là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo. Đồng thời, bị đơn Nguyễn Thành L đã thực hiện nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Do đó, đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thành L là hợp lệ, đúng theo quy định của các điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Theo Đơn kháng cáo ngày 18-8-2018, bị đơn Nguyễn Thành L yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại về vấn đề con chung nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ xem xét lại phần giải quyết về con chung của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 07-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, còn các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thành L yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết giao cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 17-01-2015 đến khi tròn 18 tuổi: Bà S và ông L có một người con chung là Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 17-01-2015. Từ ngày 29-4-2018 đến nay, khi bà S bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay thì cháu D sống chung với ông L nhưng ông L đi làm và gửi con cho mẹ ruột chăm sóc. Theo tài liệu, chứng cứ của bà S và ông L cung cấp thì cả bà S và ông L hiện

đều có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Xét cháu D hiện nay đã được hơn 44 tháng tuổi nên không thuộc trường hợp bắt buộc giao cháu D cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, xét cháu D là bé gái nên cần có sự chăm sóc của người mẹ để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu và bà S hiện đi làm gần nhà sẽ thuận tiện cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Đối với ông L hiện đi làm ở tỉnh Bình Dương sẽ không có điều kiện thuận lợi để chăm sóc con chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L xác định có nhờ mẹ ruột chăm sóc con chung nhưng mẹ ruột ông L đã lớn tuổi, đồng thời phải chăm sóc thêm một người cháu mới 13 tuổi, điều này sẽ rất khó khăn cho mẹ ruột ông L thực hiện sự đảm bảo chăm sóc tốt cho cả hai cháu nhỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm giao cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thùy D đến khi tròn 18 tuổi là có căn cứ và đúng quy định của Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, xét kháng cáo của ông L yêu cầu sửa bản án sơ thẩm giao cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thùy D đến khi tròn 18 tuổi là không có cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận. Về cấp dưỡng cho cháu D, bà S có điều kiện kinh tế ổn định, đủ khả năng nuôi dưỡng cháu D và không có yêu cầu ông L cấp dưỡng cho cháu D nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không buộc ông L cấp dưỡng cho cháu D.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thành L và giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở như đã phân tích ở trên, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông Nguyễn Thành L chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thành L. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 07-8-2018 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng như sau:

*Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.*

*Căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.*

*Tuyên xử:*

*1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị S được quyền ly hôn với ông Nguyễn Thành L. Quan hệ hôn nhân giữa bà Thạch Thị S và ông Nguyễn Thành L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 51, Quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã H2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 08-5-2014 chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.*

*2. Về con chung: Giao cho bà Thạch Thị S được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 17-01-2015 đến khi cháu D tròn 18 tuổi. Xử buộc ông Nguyễn Thành L có trách nhiệm giao cháu Nguyễn Thị Thùy D cho bà Thạch Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thành L có quyền thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.*

*3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thạch Thị S không yêu cầu ông Nguyễn Thành L cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.*

*4. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.*

*5. Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.*

*6. Về án phí: Bà Thạch Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002473 ngày 11-5-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Bà Thạch Thị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.*

* Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành L chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002632 ngày 20-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Ông Nguyễn Thành L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

* Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Các bên đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện M;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Lưu (HSVA & TA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Lê Thanh Vũ**